

Số: 237 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 31 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2023 Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 4007/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2023 trong khuôn khổ dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An: Số 2547/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 phê duyệt kế hoạch tổng thể Dự án “Hỗ trợ kỹ thuật Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” tỉnh Nghệ An; số 1866/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 thành lập Ban quản lý dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC) tỉnh Nghệ An”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 168/TTr-SNN ngày 17/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2023 Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ: Thực hiện 35 nhóm hoạt động thuộc 5 tiểu hợp phần của Hợp phần 1 - Quản lý rừng bền vững (Chi tiết có phụ lục kèm theo).

2. Kinh phí đối ứng để phục vụ cho hoạt động của Ban quản lý Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” tỉnh Nghệ An được trích từ ngân sách tỉnh: 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) (Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Ban quản lý Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” tỉnh Nghệ An căn cứ kế hoạch hoạt động năm 2023 được phê duyệt tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng các quy định hiện hành trong nước và của nhà tài trợ.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh cấp phát, quản lý số tiền nêu trên theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng chế độ, thanh quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” tỉnh Nghệ An; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- BQL dự án VFBC Trung ương;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (D. Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
DỰ ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VFBC NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 237 /QĐ-UBND ngày 31 /01/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

Mã HĐ	Hoạt Động	Thời gian thực hiện (Quý)				Ghi chú
		I	II	III	IV	
THP1: Cải thiện Quản lý rừng của cộng đồng dân cư/Quản lý rừng có sự tham gia của người dân						
1.1	Tăng cường năng lực cho các bên liên quan của Việt Nam để xây dựng và thực thi các mô hình và phương pháp tiếp cận quản lý có sự tham gia của người dân					
1.1.1	Thiết lập và vận hành mạng lưới quốc gia về quản lý rừng cộng đồng để trao đổi thông tin, bài học kinh nghiệm, thúc đẩy chính sách về quản lý rừng cộng đồng.	x	x	x	x	
1.1.2	Nâng cao năng lực cộng đồng giám sát rừng được giao/nhận khoán.	x	x	x	x	
1.2	Hỗ trợ xây dựng năng lực cho các cộng đồng để tham gia hiệu quả vào quản lý rừng					
1.2.1	Hỗ trợ giao đất, giao rừng cho cộng đồng/Giao rừng (bao gồm đánh giá tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp; xác định ranh giới)/Nâng cao năng lực cộng đồng tham gia quá trình giao đất giao rừng và giám sát rừng hiệu quả sau khi nhận đất, nhận rừng.	x	x	x	x	
1.2.2	Xây dựng Phương án quản lý bảo vệ rừng cho cộng đồng có lồng ghép các vấn đề GESI tại các mô hình CFM trình diễn.	x	x	x	x	
1.2.3	Thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững nhằm cải thiện rừng cộng	x	x	x	x	

1.2.4	Nâng cao hiệu quả quản lý bảo vệ rừng cho cộng đồng thôn nhận khoán/cộng đồng tổ chức bảo vệ rừng giao cho hộ gia đình.	X	X	X	X	
1.2.5	Thực hiện các khóa tập huấn kỹ thuật trong tiến trình xây dựng kế hoạch quản lý rừng cộng đồng [tên mới đề xuất: Xây dựng năng lực cho cộng đồng xây dựng và thực hiện thành công phương án quản lý rừng bền vững tại các CFM trình diễn].	X	X	X	X	
1.2.6	Thực hiện khảo sát/nâng cao nhận thức về quyền hưởng dụng đất rừng được đảm bảo tại bảy tỉnh thí điểm (Tên mới: Cải thiện, nâng cao nhận thức về CFM/CBFM, GESI, quyền hưởng dụng đất/rừng).	X	X	X	X	
THP2: Thúc đẩy phát triển sinh kế bền vững cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng						
2.2	Nhiệm vụ 2.2. Phát triển các chuỗi giá trị và tăng cường các doanh nghiệp thân thiện với bảo tồn tại các khu vực quản lý rừng bền vững (SFM)					
2.2.1	Hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị mây, tre, lá	X	X	X	X	
2.2.2	Hỗ trợ triển khai và phát triển chuỗi giá trị cây dược liệu (Đảng sâm, cà gai leo, an xoa, dây thìa canh, gừng, cây thuốc của người dao đỏ, nghệ...)	X	X	X	X	
2.2.3	Tập huấn về phương pháp phát triển chuỗi giá trị bền vững cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng cho cán bộ kiểm lâm và các doanh nghiệp CFE, tập trung vào các doanh nghiệp CFE do nữ lãnh đạo (lồng ghép GESI)	X	X	X		
2.2.4	Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội và Hội Liên hiệp phụ nữ nhằm hỗ trợ thực hiện các sáng kiến nâng cao quyền năng kinh tế và môi trường cho phụ nữ trong thực hiện các chuỗi giá trị		X	X	X	

THP3: Tăng cường thực thi pháp luật đối với các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp					
3.1	Hỗ trợ thực thi pháp luật đảm bảo tính nghiêm minh trong bảo vệ rừng bền vững thông qua phân tích và lập kế hoạch hành động				
3.1.1	Chuẩn bị và thực hiện kế hoạch hành động thực thi pháp luật lâm nghiệp cho 7 tỉnh Dự án	X	X	X	X
3.1.2	Phân tích các công cụ thực thi pháp luật, quản lý thông tin hiện có để hiểu hiệu quả, rào cản và thúc đẩy việc áp dụng. Chuẩn bị kế hoạch nâng cao năng lực trên các lĩnh vực của dự án; Xác định các Công cụ và hỗ trợ phát triển phần mềm	X	X	X	X
3.1.3	Tiến hành nâng cao năng lực cho Kiểm lâm, Công an và các cơ quan khác về phát hiện vi phạm, điều tra để giải quyết các tội phạm rừng nghi ngờ bao gồm hỗ trợ xây dựng bằng chứng bằng cách sử dụng các công cụ kiểm tra hiện trường thân thiện với người dùng	X	X	X	X
3.1.4	Tiến hành phân tích hành vi xã hội để cải thiện truyền thông, nâng cao nhận thức và giáo dục môi trường cho các bên liên quan đến quản lý và bảo vệ rừng	X	X	X	X
3.1.5	Hoạt động Truyền thông (Các hoạt động chung của dự án)	X	X	X	X
3.1.6	Bình đẳng giới và hòa nhập xã hội (GESI)- (Các hoạt động chung của dự án)	X	X	X	X
3.1.7	Các hoạt động hỗ trợ quản lý dự án	X	X	X	X
3.1.8	Hệ thống thông tin địa lý và bản đồ	X	X	X	X
3.2	Hỗ trợ cải thiện các chính sách và thực hành trong công tác thực thi quản lý bảo vệ rừng				
3.2.1	Tiến hành phân tích luật tục ở một tỉnh và đề xuất kế hoạch hỗ trợ cải thiện các thực hành trong công tác thực thi pháp luật ở cấp tỉnh, bao gồm áp dụng luật, luật tục và các chuẩn mực xã hội nhằm bảo vệ và quản lý rừng ở cấp cộng đồng; Xác định các chính sách và thực hành để cải tiến	X	X	X	X



3.2.2	Tổ chức hội nghị tập huấn về công tác phối hợp liên ngành giữa Kiểm lâm, Công an và chính quyền địa phương	x	x	x	x	
3.3	Hỗ trợ xây dựng năng lực của cơ quan thực thi pháp luật để xử lý các tội phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp					
3.3.1	Cung cấp các khóa đào tạo cho các kiểm sát viên và cán bộ thực thi để tăng cường hướng dẫn và thực hành thực thi pháp luật, phát hiện và xây dựng bằng chứng về tội phạm rừng, chuyển giao việc giải quyết các vụ việc hành chính và hình sự cho các cơ quan có thẩm quyền để tăng cường giải quyết và truy tố vụ án và giám tham những bằng các chương trình và chương trình đào tạo	x	x	x	x	
THP4: Cải tiến giải pháp kỹ thuật Quản lý rừng sản xuất						
4.1	Tăng cường sản xuất gỗ bền vững của những chủ rừng quy mô nhỏ					
4.1.1	Nâng cao năng lực vườn ươm	x	x	x	x	
4.1.2	Cải thiện thực hành quản lý rừng bền vững	x	x	x	x	
4.2	Thúc đẩy gia tăng nhu cầu của các nhà máy chế biến đối với gỗ được cấp chứng chỉ					
4.2.1	Xây dựng tài liệu quảng bá thông tin về chứng nhận FSC, PEFC và CoC	x	x	x	x	
4.3	Kết nối thị trường giữa chủ rừng và các doanh nghiệp chế biến gỗ					
4.3.1	Kết nối thị trường giữa chủ rừng và các doanh nghiệp chế biến gỗ	x	x	x	x	
THP5: Huy động các nguồn lực cho Quản lý và bảo vệ rừng						
5.1	Hỗ trợ xây dựng và thí điểm chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính					

5.1.1	Đánh giá tiềm năng chi trả cho dịch vụ hấp thụ và lọc giữ các bon	x	x	x	x	
5.1.2	Đánh giá bằng lòng chi trả và các giải pháp khuyến khích các công ty tham gia chi trả cho giảm phát thải các bon	x	x	x	x	
5.1.3	Thiết lập mạng lưới không chính thức các bên liên quan đến CPFES và thị trường các bon nội địa. Thành viên mạng lưới sẽ gồm các cơ quan chính phủ liên quan, các nhà khoa học, các đơn vị phát thải, các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước liên quan. Mạng lưới sẽ được duy trì trong suốt quá trình xây dựng đến khi thực hiện cơ chế chi trả cho các bon	x	x	x	x	
5.1.4	Thí điểm CPFES sau khi được phê duyệt bởi Chính phủ			x		
5.2	Nâng cao năng lực, nhận thức về thực thi C-PFES và PFES					
5.2.1	Phân tích thực trạng, thách thức về việc áp dụng phần mềm PFES M&E phát triển bởi VFD và 1 số tổ chức khác để xem xét việc hoàn thiện công cụ do VFD đã phát triển cũng như hỗ trợ các tỉnh dự án áp dụng và nhân rộng toàn quốc	x	x	x		
5.2.2	Tổ chức tập huấn và triển khai sử dụng phần mềm PFES M&E	x	x	x	x	
5.2.3	Tiến hành nâng cao năng lực về PFES và C-PFES cho các bên liên quan thông qua chương trình đào tạo được thống nhất với địa phương, đồng thời xây dựng các tài liệu tập huấn	x	x	x	x	
5.2.4	Đánh giá tiềm năng và mở rộng các nguồn chi trả PFES khác như du lịch, nuôi trồng thủy sản, nước công nghiệp, cho thuê môi trường rừng, v.v.	x				

Ghi chú: Dấu (X) là thời gian triển khai thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

DỰ TOÁN VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2023 - DỰ ÁN VFBC TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	750.000.000	
1	Tiền lương, phụ cấp	632.121.540	
-	Tiền lương, các khoản đóng góp năm 2023	367.263.312	
-	Phụ cấp kiêm nhiệm năm 2023	264.858.228	
2	Thanh toán dịch vụ công cộng	6.000.000	
3	Thông tin tuyên truyền liên lạc	2.400.000	
	Điện thoại, bưu chính	2.400.000	
4	Chi mua vật tư văn phòng	5.400.000	
-	Văn phòng phẩm, in ấn	3.600.000	
-	Công cụ dụng cụ văn phòng	1.800.000	
5	Chi hội nghị	4.800.000	
6	Chi công tác phí	61.600.000	
-	Phụ cấp lưu trú:	28.800.000	
-	Tiền ngủ:	28.800.000	
-	Tiền vé	4.000.000	
7	Chi phí thuê mướn	5.000.000	
8	Chi phí sửa chữa tài sản, phương tiện	6.000.000	
9	Chi phí khác	26.678.460	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN 